

XÂY DỰNG BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN LOẠI ĐA PHƯƠNG ÁN TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thị Phương Loan⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 13/06/2025

Ngày phản biện: 05/08/2025

Ngày đăng: 29/09/2025

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Thị Phương Loan

Email: Loanbmtlgd@gmail.com

Tập 2, số 5 (2025), trang 45-52

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13888>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Trên cơ sở sử dụng chương trình QUEST để phân tích – định cỡ câu trắc nghiệm khách quan, chúng tôi đã xây dựng được 105 câu hỏi trắc nghiệm khách quan (TNKQ) loại đa phương án (ĐPA) đảm bảo yêu cầu về độ phân biệt (ĐPB), độ khó (ĐK) và các phương án nhiễu trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học TDTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Từ khóa: Trắc nghiệm khách quan, Giáo dục học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Building a set of objective multiple-choice test questions in assessing learning outcomes of the Science of physical education and sport at Bacninh Sport University

Nguyen Thi Phuong Loan⁽¹⁾

Article Information:

Received: 13/06/2025

Review date: 05/08/2025

Published: 29/09/2025

Corresponding Author:

Nguyen Thi Phuong Loan

Email: Loanbmtlgd@gmail.com

Vol.2, Issue 5 (2025), pp 45-52

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13888>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Summary:

Based on using the QUEST program to analyze and calibrate objective multiple choice questions, the project has built 105 objective multiple choice questions of the multi-option type that ensure the requirements of discrimination, difficulty and interference options in assessing learning outcomes of Science of physical education and sport at Bacninh Sport University.

Keywords: Objective test, physical education, Bacninh Sport University

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi hình thức - công cụ đánh giá đều có mặt tích cực và hạn chế, điều cơ bản chính là sự lựa chọn, xây dựng và sử dụng chúng như thế nào cho phù hợp với mục tiêu, đối tượng và điều kiện cụ thể nhằm mang lại hiệu quả cao cho việc đánh giá, đây là vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu.

Hiện nay, công cụ đánh giá dành cho sinh viên ở môn Giáo dục học TDDT Trường Đại học TDDT Bắc Ninh vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, chưa đảm bảo được yêu cầu của một công cụ đánh giá. Công cụ chủ yếu được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở môn học này là bài kiểm tra dạng tự luận truyền thống, mặc dù có những ưu điểm nhưng vẫn còn nhiều hạn chế đã bộc lộ (bài kiểm tra chưa đo lường thỏa đáng các mục tiêu của môn học, sinh viên kém hứng thú với môn học, có tư tưởng học lệch, học tủ...). Điều này gây trở ngại không ít tới hiệu quả đánh giá cũng như chất lượng dạy và học. Chính vì vậy, việc sử dụng TNKQ trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học TDDT sẽ khắc phục được những hạn chế nêu trên, nâng

cao hiệu quả và mức độ tin cậy của các hình thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu chủ yếu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp điều tra sự phạm; Phương pháp toán thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Trên cơ sở quy trình xây dựng câu trắc nghiệm (sau khi đã soạn thảo, được các chuyên gia góp ý & bổ sung chỉnh sửa), đề tài tiến hành xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm theo chương trình giảng dạy môn Giáo dục học TDDT cho sinh viên (đại học chính quy năm thứ ba) Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

Bộ trắc nghiệm được xây dựng gồm 252 câu TNKQ, trong đó có 120 TNKQ loại đa phương án (ĐPA) và 132 câu TNKQ loại đúng sai (ĐS), điền khuyết (ĐK) & ghép đôi (GD). Tuy nhiên, trong phạm vi của bài báo khoa học này chỉ tập trung phân tích các chỉ số của 120 câu TNKQ loại ĐPA được lập thành 2 bài trắc nghiệm A & B, mỗi bài có 60 câu (bảng 1).

Bảng 1. Đặc trưng của 120 câu hỏi TNKQ loại ĐPA

TT	Chương/bài	Số câu	
		Bài A	Bài B
1.	Giáo dục học TDDT là một phân ngành của khoa học Giáo dục học	4	4
2.	Mục đích giáo dục	2	3
3.	Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	2	1
4.	Quá trình dạy học TDDT	7	7
5.	Nguyên tắc dạy học TDDT	4	4
6.	Nội dung dạy học TDDT	3	2
7.	Phương pháp dạy học TDDT	5	5
8.	Hình thức tổ chức dạy học TDDT	3	4
9.	Quá trình giáo dục trong hoạt động TDDT	6	6
10.	Nguyên tắc giáo dục trong hoạt động TDDT	4	4
11.	Phương pháp giáo dục TDDT	4	4
12.	Nội dung giáo dục TDDT	8	8
13.	Lý luận về tập thể học sinh	3	4
14.	Phối hợp các lực lượng giáo dục	2	1
15.	Giáo viên giáo dục thể chất & Huấn luyện viên thể thao	3	3
Tổng số		60	60

Quá trình nghiên cứu sử dụng Chương trình QUEST cài đặt trên máy vi tính để phân tích câu trắc nghiệm. Chương trình QUEST giúp tính toán và cung cấp các số liệu cần thiết để phân tích – định cỡ câu trắc nghiệm. Mỗi bài trắc nghiệm được thực hiện 2 lần. Trắc nghiệm lần 1 nhằm giữ lại những câu có các chỉ số đạt yêu cầu và sửa chữa những câu trắc nghiệm có các chỉ số chưa đạt yêu cầu. Trắc nghiệm lần 2 nhằm khẳng định độ tin cậy của các chỉ số thu được ở lần trắc nghiệm thứ nhất, kiểm tra lại chỉ số của những câu đã được sửa chữa sau khi trắc nghiệm

Bảng 2. Các chỉ số của 2 bài trắc nghiệm A & B

Các tham số	Trị số quan sát		Trị số lý thuyết	
	Bài A	Bài B	Bài A	Bài B
Số sinh viên làm bài trắc nghiệm	132	127		
Số câu trắc nghiệm	60	60		
Trung bình (Mean)	31.37	33.4	37.5	37.5
Độ lệch chuẩn (SD)	8.25	7.58		
Hệ số tin cậy (r)	0.79	0.76		
Độ khó của bài trắc nghiệm	52,28%	55,66%	62,50%	62,50%

Qua bảng 2 cho thấy, hệ số tin cậy của cả 2 bài trắc nghiệm là tương đối tốt. Giá trị trung bình của 2 bài trắc nghiệm đều nhỏ hơn trung bình lý thuyết. Độ lệch chuẩn tương đối lớn nghĩa là điểm số của cả 2 bài trắc nghiệm được trải tương đối rộng. Như vậy 2 bài trắc nghiệm đều có độ khó vừa phải so với trình độ của sinh viên, đều đảm bảo độ tin cậy và có khả năng để phân loại trình độ sinh viên.

1.2. Phân tích sơ bộ câu trắc nghiệm

Căn cứ vào các chỉ số phân tích từng câu trắc nghiệm mà chương trình QUEST đã tính toán ở bảng 3 cho thấy, có 3 câu trắc nghiệm có độ phân biệt âm (loại bỏ). Không có câu trắc nghiệm nào không đạt cả ĐPB và ĐK. Có 100 câu đạt cả ĐPB và ĐK. Có 17 câu không đạt ĐPB nhưng đạt ĐK những câu này cần phân tích từng chỉ số để loại bỏ những câu không đạt yêu cầu, sửa chữa những câu có ĐPB thấp, & diễn đạt lại các phương án nhiễu, theo dõi tiếp ở lần thử thứ hai.

ở lần 1. Đồng thời, tiếp tục loại bỏ những câu trắc nghiệm có chỉ số không đạt yêu cầu.

Các câu TNKQ được thiết kế đảm bảo về ĐK và ĐPB, cụ thể là: ĐK được tính theo tỷ lệ % (ĐK đạt yêu cầu là: $0,1 < ĐK < 0,9$); ĐPB đạt yêu cầu là $0,2 \leq ĐPB$; Các phương án nhiễu đạt yêu cầu phải có ĐPB là âm (-); Xác suất sai số cho phép $P - \text{value} < 0,05$.

1. Phân tích kết quả trắc nghiệm lần 1 (từ bảng 2 đến bảng 5)

1.1. Phân tích bài trắc nghiệm

1.3. Phân tích phương án nhiễu của những câu đạt cả hai chỉ số về ĐPB & ĐK

Qua bảng 4 cho thấy, trong số 100 câu trắc nghiệm đạt các chỉ số về ĐPB & ĐK có 74 câu có các phương án nhiễu đạt yêu cầu. Như vậy, những câu này vừa đạt các chỉ số ĐPB & ĐK vừa đảm bảo các chỉ số ở phương án nhiễu nên có thể giữ nguyên không cần sửa chữa. Có 26 câu cần điều chỉnh lại cách diễn đạt các phương án nhiễu để đảm bảo yêu cầu các phương án nhiễu phải có ĐPB âm.

1.4. Phân tích chỉ số của những câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu về ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Qua bảng 5 cho thấy, có 9 câu có ĐPB rất thấp hoặc thấp & có ít nhất một phương án nhiễu có ĐPB dương hoặc một phương án nhiễu có tỷ lệ lựa chọn thấp do đó những câu này cần loại bỏ (3A, 12A, 24A, 25A, 6B, 23B, 27B, 38B, 56B). Có 8 câu có ĐPB hơi thấp cần viết lại các phương án đúng và phương án nhiễu (9B,

Bảng 3. Phân tích sơ bộ 120 câu trắc nghiệm

ĐPB & ĐK		Câu trắc nghiệm số	Số câu	Kết luận
ĐPB đạt	ĐK đạt	1A, 1B, 2A, 2B, 3B, 4A, 4B, 5A, 5B, 6A, 7A, 7B, 8A, 8B, 9A, 10A, 10B, 11A, 11B, 13A, 13B, 14A, 14B, 15B, 16A, 16B, 17A, 17B, 18A, 19A, 20A, 20B, 21A, 21B, 22A, 22B, 23A, 25B, 26A, 27A, 28A, 29A, 29B, 30A, 30B, 31A, 31B, 32A, 32B, 33A, 33B, 34A, 34B, 35A, 35B, 36A, 36B, 37A, 37B, 38A, 39A, 39B, 40A, 40B, 41A, 41B, 42A, 42B, 43A, 43B, 44A, 44B, 45A, 45B, 46A, 46B, 47A, 47B, 48A, 49A, 49B, 50A, 51A, 51B, 52A, 53A, 53B, 54A, 54B, 55A, 55B, 56A, 57A, 57B, 58A, 58B, 59A, 59B, 60A, 60B.	100	Phân tích từng phương án nhiều
	ĐK không đạt	0	0	
ĐPB âm		15A, 18B, 50B	3	Loại bỏ
ĐPB không đạt	ĐK đạt	3A, 12A, 24A, 25A, 6B, 9B, 12B, 19B, 23B, 24B, 26B, 27B, 28B, 38B, 48B, 52B, 56B.	17	Phân tích từng chỉ số
	ĐK không đạt	0	0	

Bảng 4. Phân tích 100 câu trắc nghiệm đạt chỉ số về ĐPB & ĐK

Nhận xét	Câu trắc nghiệm số	Số câu	Kết luận
Phương án nhiều đạt yêu cầu	2A, 4A, 5A, 9A, 11A, 13A, 14A, 16A, 17A, 19A, 20A, 21A, 22A, 26A, 27A, 28A, 29A, 30A, 31A, 33A, 35A, 36A, 37A, 40A, 43A, 44A, 45A, 46A, 47A, 48A, 49A, 52A, 53A, 54A, 56A, 58A, 59A, 1B, 2B, 4B, 5B, 7B, 8B, 10B, 11B, 13B, 14B, 15B, 16B, 17B, 20B, 21B, 22B, 25B, 29B, 30B, 31B, 32B, 33B, 35B, 36B, 37B, 41B, 42B, 43B, 45B, 46B, 47B, 49B, 51B, 53B, 54B, 58B, 59B, 60B.	74	Không cần sửa chữa
Phương án nhiều có ĐBB = 0	7A, 12A, 15A, 23A, 25A, 50A, 44B, 55B, 57B	9	Viết lại phương án này
Phương án nhiều có ĐPB dương & tần số lựa chọn cao	6A, 10A, 25A, 42A, 60A, 3B, 6B, 9B, 12B, 23B, 24B	11	Viết lại phương án này
Phương án nhiều không ai chọn	1A, 18A, 39A, 51A, 18B, 19B	6	Viết lại phương án này

Bảng 5. Phân tích chỉ số của 17 câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu về ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Câu số	Các chỉ số chưa đạt				Nhận xét	Kết luận
	Phương án chọn	Tỉ lệ chọn	ĐPB	P - value		
3A	C* D	1.5	0,08 0,07	0.217	ĐPB rất thấp, P-value lớn Phương án nhiều D có tỉ lệ lựa chọn thấp, ĐPB dương.	Loại bỏ
6B	B C* D		0,04 0,13 0,05	0.073	2 phương án nhiều có ĐPB dương. ĐPB của câu thấp, $P > 0,05$	Loại bỏ
9B	C D*		0,03 0,19		Phương án nhiều có ĐPB dương. ĐPB của câu hơi thấp	Sửa lại 2 phương án
12B	D*		0.19		ĐPB của câu hơi thấp	Xem lại cách diễn đạt
12A	B C D*	2.5	0,03 0,08		ĐPB của câu rất thấp Phương án B có tỉ lệ chọn thấp Phương án nhiều C có ĐPB (+)	Loại bỏ
19B	B D*		0,20 0,13	0.08	Phương án nhiều có ĐPB (+) ĐPB của câu thấp, $P > 0,05$	Sửa lại 2 phương án
23B	B* C		0,15 0,03		ĐPB của câu thấp Phương án nhiều có ĐPB (+)	Loại bỏ
24A	A C* D		0,04 0,09 0,02		2 phương án nhiều có ĐPB (+) ĐPB của câu rất thấp	Loại bỏ
24B	B C D*	1.6	0,05 0,07		Phương án nhiều B có ĐPB (+) Phương án C có tỷ lệ lựa chọn thấp. ĐPB câu thấp.	Sửa lại 2 phương án
25A	A B C*		0,06 0,04 0,07		2 phương nhiều có ĐPB dương ĐPB câu rất thấp.	Loại bỏ
26B	B*		0.18		Câu có ĐPB hơi thấp	Xem lại cách diễn đạt
27B	C* D		0,01 0,34	0.43	ĐPB rất thấp, P-value lớn 1 phương án nhiều có ĐPB (+)	Loại bỏ
28B	A*		0.14	0.06	ĐPB thấp, $P > 0,05$	Sửa phương án đúng
38B	B* C		0,09 0,05	1.69	ĐPB rất thấp, $P > 0,05$ Phương án nhiều có ĐPB (+)	Loại bỏ
48B	C* D		0,14 0,09	0.61	ĐPB thấp, $P > 0,05$ Phương án nhiều có ĐPB (+)	Sửa lại 2 phương án
52B	B D*		0,03 0,19		Phương án nhiều dương ĐPB của câu hơi thấp	Xem lại cách diễn đạt
56B	B C* D		0,03 0,04 0,01	0.29	2 phương án nhiều có ĐPB (+) ĐPB của câu rất thấp, P-value lớn.	Loại bỏ

12A, 19B, 24A, 26B, 28B, 48B, 52B) để nâng cao ĐPB của câu TNKQ.

Như vậy qua trắc nghiệm lần 1 còn 108 câu TNKQ loại ĐPA. Trong đó có 74 câu không cần sửa chữa (đạt các yêu cầu về ĐPB, ĐK & các phương án nhiễu), 26 câu cần sửa chữa, viết lại & theo dõi ở trắc nghiệm lần 2, viết lại 8 câu không đạt ĐPB nhưng đạt ĐK, các phương án nhiễu chưa đạt yêu cầu.

2. Phân tích kết quả trắc nghiệm lần 2

Sau khi phân tích từng câu trắc nghiệm ở lần thứ nhất, các câu trắc nghiệm cần sửa chữa đã

được sửa chữa lại. Bài trắc nghiệm A đã loại ra 5 câu (3A, 12A, 15A, 24A, 25A) còn lại 55 câu, bài trắc nghiệm B đã loại ra 7 câu (6B, 18B, 23B, 27B, 38B, 50B, 56B) còn lại 53 câu (theo số liệu ở bảng 3 & bảng 5). Như vậy, tổng số câu TNKQ (ĐPA) được tiến hành trắc nghiệm 2 là 108 câu. Các bước tiến hành thử nghiệm được thực hiện tương tự như lần thử nghiệm thứ nhất. Kết quả trắc nghiệm lần 2 được trình bày từ bảng 6 đến bảng 9).

2.1. Phân tích bài trắc nghiệm

Bảng 6. Các chỉ số của 2 bài trắc nghiệm A & B

Các tham số	Trị số quan sát		Trị số lý thuyết	
	Bài A	Bài B	Bài A	Bài B
Số sinh viên làm bài trắc nghiệm	122	112		
Số câu trắc nghiệm	55	53		
Trung bình (Mean)	30.24	32.06	40.5	38.5
Độ lệch chuẩn (SD)	7.58	8.85		
Hệ số tin cậy (r)	0.76	0.85		
Độ khó của bài trắc nghiệm	54%	61.05%	62.5%	62.5%

Nhận xét trị số quan sát của 2 bài trắc nghiệm ở bảng 6 cho thấy, hệ số tin cậy của 2 bài trắc nghiệm là tốt. Trung bình của 2 bài trắc nghiệm đều nhỏ hơn trung bình lý thuyết. Như vậy 2 bài trắc nghiệm đều đảm bảo độ tin cậy.

2.2. Phân tích sơ bộ câu trắc nghiệm

Kết quả phân tích sơ bộ 108 câu trắc nghiệm ở bảng 7 cho thấy, có 101 câu đạt các yêu cầu về ĐPB & ĐK. Đồng thời, có 6 câu không đạt yêu cầu về ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK (những câu này cần phân tích cần từng chỉ số để xem loại bỏ câu nào & sửa chữa giữ lại câu nào) và 1 câu loại bỏ vì ĐPB âm.

2.3. Phân tích các chỉ số của những câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu về ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Các số liệu tập hợp ở bảng 8 cho thấy, trong số 101 câu trắc nghiệm đạt yêu cầu về ĐPB & ĐK có 83 câu đạt yêu cầu về phương án nhiễu. Như vậy những câu này vừa đạt yêu cầu về ĐPB, ĐK đồng thời cũng đạt yêu cầu về các phương án nhiễu nên không cần sửa chữa. Có 18 câu cần sửa chữa lại các phương án nhiễu.

2.4. Phân tích các chỉ số của những câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Từ bảng 9 có thể đi đến nhận xét sau: Có 2 câu cần loại bỏ (11a & 18B) vì có ĐPP rất thấp hoặc thấp đồng thời có 2 phương án nhiễu có ĐPB dương, tần số lựa chọn cao; Có 4 câu cần sửa chữa lại 2 phương án (phương án đúng cần sửa lại để nâng cao ĐPB, phương án nhiễu cần sửa lại để đảm bảo được các yêu cầu).

2.4. Phân tích các chỉ số của những câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Từ bảng 9 có thể đi đến nhận xét sau: Có 2 câu cần loại bỏ (11a & 18B) vì có ĐPP rất thấp hoặc thấp đồng thời có 2 phương án nhiễu có ĐPB dương, tần số lựa chọn cao; Có 4 câu cần sửa chữa lại 2 phương án (phương án đúng cần sửa lại để nâng cao ĐPB, phương án nhiễu cần sửa lại để đảm bảo được các yêu cầu).

Như vậy, kết quả thử nghiệm lần 2 còn 105 câu. Trong đó, có 101 câu đạt yêu cầu về các chỉ số về ĐPB, ĐK & các phương án nhiễu không cần sửa chữa. Cần viết lại 4 câu có ĐPB chưa đạt nhưng ĐK đạt.

Bảng 7. Phân tích sơ bộ 108 câu trắc nghiệm

ĐPB & ĐK		Câu trắc nghiệm số	Số câu	Kết luận
ĐPB đạt	ĐK đạt	1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A, 12A, 13A, 14A, 15A, 16A, 17A, 18A, 19A, 20A, 21A, 22A, 23A, 24A, 25A, 26A, 27A, 28A, 29A, 30A, 31A, 32A, 35A, 36A, 37A, 39A, 40A, 41A, 43A, 44A, 45A, 46A, 47A, 48A, 49A, 50A, 51A, 52A, 53A, 54A, 55A, 56A, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 12B, 13B, 14B, 15B, 16B, 17B, 18B, 19B, 20B, 21B, 22B, 23B, 24B, 25B, 26B, 27B, 28B, 29B, 30B, 31B, 32B, 33B, 34B, 35B, 36B, 37B, 38B, 39B, 40B, 41B, 42B, 43B, 44B, 45B, 46B, 47B, 48B, 49B, 50B, 51B, 52B.	101	Phân tích từng phương án nhiều
	ĐK không đạt	0	0	
ĐPB âm		33A	1	Loại bỏ
ĐPB không đạt	ĐK đạt	11A, 34A, 38A, 42A, 1B, 18BK	6	Phân tích từng chỉ số
	ĐK không đạt	0	0	

Bảng 8. Phân tích 101 câu trắc nghiệm đạt chỉ số về ĐPB & ĐK

Nhận xét	Câu trắc nghiệm số	Số câu	Kết luận
Các phương án nhiều đều đạt yêu cầu	1A, 2A, 4A, 5A, 6A, 8A, 9A, 10A, 12A, 13A, 14A, 15A, 16A, 18A, 19A, 20A, 21A, 22A, 25A, 26A, 27A, 28A, 29A, 30A, 31A, 32A, 35A, 36A, 37A, 39A, 40A, 41A, 44A, 45A, 47A, 48A, 49A, 51A, 55A, 56A, 2B, 3B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 12B, 13B, 14B, 15B, 16B, 17B, 20B, 21B, 22B, 23B, 24B, 25B, 26B, 27B, 28B, 30B, 31B, 32B, 33B, 34B, 35B, 36B, 38B, 40B, 41B, 43B, 44B, 46B, 47B, 48B, 49B, 50B, 51B.	83	Không cần sửa chữa
Một phương án nhiều có ĐPB = 0	0	0	
Phương án nhiều có ĐPB dương	3A, 7A, 17A, 23A, 43A, 46A, 50A, 4B, 19B, 29B, 37B, 39B, 42B, 45B, 52B.	15	Sửa lại cách diễn đạt
Phương án nhiều có ĐPB dương & 1 phương án có tần số lựa chọn cao	24A, 52A, 53A	3	Sửa lại cách diễn đạt
Một phương án nhiều không ai chọn	0	0	

Bảng 9. Phân tích chỉ số của những câu trắc nghiệm chưa đạt yêu cầu về ĐPB nhưng đạt yêu cầu về ĐK

Câu số	Các chỉ số chưa đạt				Nhận xét	Kết luận
	Phương án chọn	Tỉ lệ chọn	ĐPB	P - value		
1B	B* D	56.25	0.17	0.21	ĐPB rất thấp, P-value lớn Phương án nhiều có ĐPB dương & tỷ lệ lựa chọn cao	Sửa lại 2 phương án
11A	B C* D	65	0,07 0,17 0,34		Câu có ĐPB thấp 2 phương án nhiều có ĐPB dương & có tỉ lệ lựa chọn cao	Loại bỏ
18B	B C* D		0,04 0,10 0,06	0.13	ĐPB của 2 phương án nhiều (+). Câu có ĐPB rất thấp, P > 0,05	Loại bỏ
34A	A* B		0,19 0,20		ĐPB của câu hơi thấp Phương án nhiều B có ĐPB dương	Sửa lại 2 phương án
38A	B* D		0,13 0,24		ĐPB rất thấp Phương án nhiều có ĐPB (+)	Sửa lại 2 phương án
42A	B*		0,20 0,13		Phương án nhiều có ĐPB (+) ĐPB của câu thấp, P > 0,05	Diễn đạt lại phương án đúng

KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu đã xây dựng được 120 câu TNKQ loại ĐPA theo chương trình giảng dạy môn Giáo dục học TDDT cho sinh viên đại học các khoa không chuyên Tâm lý ở Trường Đại học TDDT Bắc Ninh. Qua hai lần thử nghiệm đã chọn lọc được 105 câu TNKQ loại ĐPA đảm bảo các yêu cầu về ĐPB, ĐK và các phương án nhiễu trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học TDDT tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu góp phần chuẩn hóa các công cụ đo lường và nâng cao hiệu quả đánh giá chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Tuy nhiên, cần xây dựng bổ sung thêm số lượng câu hỏi TNKQ vào ngân hàng câu hỏi môn học hàng năm để đáp ứng với những nội dung chương trình môn học mới được cập nhật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phụng Hoàng (1996), *Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Trần Bá Hoàn (1997), *Đánh giá trong giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Đặng Bá Lâm (1995), “Cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá ở các trường Đại học và Cao đẳng”, *Đề tài B94-38-09 PP*, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Phương Loan (2015), “Vận dụng kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận ngắn trong đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học”, *Đề tài khoa học cấp cơ sở, Mã số: GDTC – 10/14*, Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

5. Nghiêm Xuân Nùng, Lâm Quang Thiệp (1996), *Trắc nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (Phương pháp thực hành)*, Nxb Khoa học xã hội, Tp Hồ Chí Minh.